

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
17	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
18	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					
I.5	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*								
I.6	Giáo dục thể chất	Physical Education			5	1*	1*	1*	1*	1*				
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			110									
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			27									
19	Cơ học cơ sở	Engineering Mechanics	MECH213	Cơ học kỹ thuật	4			4						
20	Đồ họa kỹ thuật	Technical Graphics	DRAW213	Đồ họa kỹ thuật	3				3					
22	Cơ học công trình			Sức bền - Kết cấu	4				4					
23	Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics	FLME214	Thủy lực	3			3						
23	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2				2					
24	Thực tập trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1				1					
26	Thủy lực công trình	Hydraulics Engineering	HYDR325	Thủy lực	3					3				
27	Địa kỹ thuật	Geotechnical Engineering	CE355	Địa kỹ thuật	4					4				
28	Thủy văn công trình	Engineering Hydrology	HYDR346	Thủy văn và tài nguyên nước	3				3					
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			12									
25	Hóa nước	Water Chemistry	CHEM244	Kỹ thuật Hóa học	2				2					
29	Quá trình hóa sinh trong xử lý nước	Chemistry and Microbiology Processes for Water and Wastewater Treatments	CMWT316	Kỹ thuật môi trường	2					2				
30	Vật liệu xây dựng	Civil Engineering Materials	CE316	Vật liệu xây dựng	3					3				
31	Kỹ thuật điện	Introduction to Electrical Engineering	EGN316	Kỹ thuật điện	3						3			
32	Quy hoạch đô thị	Urban Planning	URPM316	Kỹ thuật hạ tầng	2						2			
II.3	Kiến thức ngành	Core Area Subjects			42									
33	Nhập môn Kỹ thuật cấp thoát nước	Profesional Introduction	PRIN121	Cấp thoát nước	2	2								

[illegible]

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
51	Thi công công trình cấp thoát nước	Water Supply and Sewerage construction	WSSC419	Cấp thoát nước	2								2	
II.4	Học phần tốt nghiệp	Graduation thesis			15									
52	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	GIN419	Cấp thoát nước	8									8
53	Đồ án tốt nghiệp	Graduation thesis	GTH419	Cấp thoát nước	7									7
II.5	Kiến thức tự chọn	Selectives			14					4	4	3	3	
1	Thủy lực dòng hở	Open Channel Hydraulics	HDR345	Thủy lực	3					3				
2	Thủy văn đô thị	Urban Hydrology	UH404	Thủy văn	2							2		
3	Mạng điện hạ thế	Low Voltage Circuit	LVCH417	Kỹ thuật điện	3							3		
4	Tin học ứng dụng trong cấp thoát nước	Applied informatics in water supply and drainage design	AIWSD418	Cấp thoát nước	2							2		
5	Quy hoạch và phát triển nông thôn	Rural Planning Development	RPD336	Kỹ thuật tài nguyên nước	2							2		
6	Quy hoạch hệ thống thủy lợi	Water resources System Planning	PMWR437	Kỹ thuật tài nguyên nước	2						2			
7	Quản lý chất thải rắn và chất độc hại	Solid and Hazardous Waste Management	ENV235	Quản lý môi trường	3					3				
8	Kỹ thuật tài nguyên nước	Water Resources Engineering	WRE437	Kỹ thuật tài nguyên nước	3						3			
9	Quản lý và khai thác công trình cấp thoát nước	Management and Operation of Water Supply and Sanitation Systems	MOWS441	Cấp thoát nước	3								3	
10	Kinh tế đầu tư xây dựng	Construction investment economics	CON448	Quản lý xây dựng	2						2			
11	Quản lý dự án	Project management	PJM418	Quản lý xây dựng	2						2			
12	Quản lý chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi	Irrigation Water Sampling and Monitoring	IWS427	Kỹ thuật tài nguyên nước	2								2	
13	Thiết kế hệ thống thủy lợi	Irrigation and Drainage System Design	IDSD419	Kỹ thuật tài nguyên nước	3								3	
14	Kết cấu thép	Steel Structures	CEI496	Kết cấu công trình	2					2				
	Tổng cộng (I + II)	Total			155	14	17	16	20	18	18	19	18	15

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
----	----------------------	---------------------	------------	----------------	---------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----